

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2021

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cảnh

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn và nhân gia đình thụ lý số: 279/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về vụ “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N quen biết tìm hiểu nhau quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào năm 2004. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, anh N thường xuyên uống rượu không lo làm ăn, chị khuyên ngăn nhiều lần anh N không thay đổi còn xúc phạm đến chị và cha mẹ của chị, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường

xuyên cạy cải và khoảng từ tháng 4 năm 2021 vợ chồng ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh N có hai người con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/4/2005 và Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 01/8/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi con là Nguyễn Anh Kh. Đối với Nguyễn Anh K, nếu K có nguyện vọng sống chung với chị thì chị đồng ý nuôi con; nếu K có nguyện vọng sống chung với anh N thì chị đồng ý giao con cho anh N nuôi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị chưa đặt ra giải quyết.

Về tài sản: Chị H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh N không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt trong các phiên họp. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 11 tháng 11 năm 2021, anh N có lời trình bày về việc kết hôn, về con chung, về tài sản và nợ như chị H trình bày nêu trên. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cạy cải, từ đó vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh N xác nhận tình cảm giữa anh và chị H không hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Về việc nuôi con, khi ly hôn, đối với Nguyễn Anh K, anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Nếu con muốn sống chung với anh thì anh nuôi. Đối với Nguyễn Anh Kh, anh đồng ý giao con cho chị H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh chưa đặt ra yêu cầu giải quyết. Về tài sản, anh không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về nợ không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021, cháu Nguyễn Anh K có lời trình bày như sau: Cha cháu là Nguyễn Văn N còn mẹ là Nguyễn Thị Mỹ H. Nếu chị H, anh N chấm dứt hôn nhân, cháu có nguyện vọng được sống chung với anh N.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên và không có bổ sung, tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Càng Long:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Văn N chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ. Tại phiên tòa, anh N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 19, 51, 54, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H. Cho chị H được ly hôn anh N. Về con chung giao cháu Nguyễn Anh Kh cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Anh K cho anh N nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu; Về tài sản chị H, anh N không có tranh chấp nên đề nghị không xét; Về nợ chị H và anh N khai không có nên đề nghị không xem xét; Về án phí buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn N có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của anh. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn vào năm 2004, hôn nhân của chị H và anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01/2004, đăng ký ngày 20 tháng 5 năm 2004. Căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị H, anh N là hợp pháp.

[3.1] Sau khi cưới, chị H và anh N chung sống tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc và từ tháng 4 năm 2021, chị H và anh N sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh N và yêu cầu được ly hôn với anh N, anh N cũng thống nhất ly hôn với chị H.

[3.2] Xét thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa chị H và anh N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,*

chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, ...” Nhưng khi mâu thuẫn xảy ra chị H, anh N không tìm giải pháp khắc phục mà ly thân mỗi người sống một nơi không quan tâm gì đến nhau từ tháng 4 năm 2021 đến nay đã hơn 07 tháng. Đồng thời, qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương nơi cư trú của vợ chồng chị H, anh N cũng xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh N là có thật và khó hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H và ý kiến ly hôn của anh N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh N có hai người con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/4/2005 hiện sống chung với anh N và Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 01/8/2018 hiện sống chung với chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được quyền nuôi con là Nguyễn Anh Kh. Riêng Nguyễn Anh K có nguyện vọng được sống chung với anh N, anh N cũng thống nhất nuôi con. Xét nguyện vọng của cháu K là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế cuộc sống nên giao cho anh N nuôi con là Nguyễn Anh K. Đối với Nguyễn Anh Kh còn nhỏ, mới hơn 03 tuổi hiện do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh N cũng thống nhất giao con cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng nên chị H được quyền nuôi con chung Nguyễn Anh Kh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị H và anh N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6] *Về tài sản*: Chị H và anh N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[7] *Về nợ*: Chị H và anh N khai không có nên Tòa không xem xét.

[8] *Về án phí*: Chị H là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn giảm nộp tiền án phí nên có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 01/8/2018; anh Nguyễn Văn N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Anh K, sinh ngày 25/4/2005.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H, anh N chưa đặt yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về tài sản: Chị H, anh N không đặt ra yêu cầu giải quyết, Tòa không xem xét.

Về nợ chung: Chị H, anh N khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006470 ngày 21/10/2021 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu, chị H đã nộp đủ tiền án phí. Anh N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang

Đã ký